

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Đề án “Nâng cao năng lực hệ thống y tế thành phố Hải Phòng triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;*

*Căn cứ Kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp đột phá, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;*

*Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực hệ thống y tế thành phố Hải Phòng triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 50/TTr-SYT ngày 11 tháng 02 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Đề án “Nâng cao năng lực hệ thống y tế thành phố Hải Phòng triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân

dân” được ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây viết tắt là Đề án 118), cụ thể:

1. Sửa đổi ý thứ 3 mục 3 phần IV nội dung của Đề án 118 thành:

*“Bảo đảm tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư công trong lĩnh vực y tế. Tiếp tục bố trí vốn và tổ chức triển khai các dự án đầu tư công đã được phê duyệt từ các giai đoạn trước, với 26 dự án, tổng mức đầu tư khoảng 4.078 tỷ đồng, nhu cầu vốn giai đoạn 2026–2030 là 1.423 tỷ đồng, theo đúng các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và kế hoạch vốn đầu tư công của Ủy ban nhân dân thành phố. Đồng thời, ưu tiên thực hiện 30 dự án đầu tư công mới trong giai đoạn 2026–2030 với tổng mức đầu tư dự kiến 5.820.940 triệu đồng, được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm tập trung nguồn lực, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư”.*

2. Điều chỉnh danh mục, kinh phí thực hiện các dự án đầu tư xây mới từ kế hoạch đầu tư công, giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục IV và Danh mục, kinh phí thực hiện các dự án đầu tư công đề xuất ưu tiên, giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục V của Đề án 118 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, tham mưu điều chỉnh Đề án.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính và các sở, ban, ngành đoàn thể thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã;
- Các đơn vị y tế có liên quan (do SYT chuyển gửi);
- Các phòng thuộc VP UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố; Báo và PTTH Hải Phòng;
- Lưu: VT, T. V. Hải.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Tiến Phụng**

**Phụ lục IV**  
**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY MỚI TỪ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
	<b>Tổng cộng</b>		<b>15.613.391</b>	<b>5.820.940</b>	<b>5.820.940</b>	<b>9.792.451</b>	<b>15.613.391</b>	<b>5.820.940</b>	<b>5.820.940</b>	<b>9.792.451</b>
1	Bệnh viện Đa khoa Hải Dương	Dự án cải tạo, nâng cấp các khối nhà cũ và bổ sung hệ thống PCCC	2.417.400	959.000	959.000	1.458.400	2.417.400	959.000	959.000	1.458.400
2	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Phòng	Dự án đầu tư xây dựng mới	634.440	634.440	634.440	0	634.440	634.440	634.440	0
3	Trung tâm Y tế Gia Lộc	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	507.200	400.000	400.000	107.200	507.200	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>	<b>207.200</b>
4	Trung tâm Y tế Chí Linh	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	774.500	469.000	469.000	305.500	774.500	<b>350.000</b>	<b>350.000</b>	<b>424.500</b>
5	Trung tâm Y tế Tứ Kỳ	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	686.255	426.000	426.000	260.255	686.255	<b>350.000</b>	<b>350.000</b>	<b>336.255</b>
6	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp cơ sở 2	700.000	700.000	700.000	0	700.000	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	<b>100.000</b>
7	Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ	Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	90.000	50.000	50.000	40.000	90.000	50.000	50.000	40.000
8	Bệnh viện Đa khoa Đôn Lương	Xây dựng khu nhà KB 3 tầng	81.600	48.000	48.000	33.600	81.600	48.000	48.000	33.600
9	Bệnh viện Phổi Hải Dương	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	170.000	170.000	170.000	0	170.000	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>70.000</b>
10	Trung tâm Y tế Đồ Sơn	Dự án đầu tư xây dựng nhà khám bệnh, khoa chẩn đoán hình ảnh, khoa dược	95.584	90.000	90.000	5.584	95.584	90.000	90.000	5.584

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
11	Trung tâm Y tế Hồng Bàng	Dự án đầu tư xây dựng mới	252.000	252.000	252.000	0	252.000	<b>152.000</b>	<b>152.000</b>	<b>100.000</b>
12	Bệnh viện Đa khoa Ngô Quyền	Dự án đầu tư xây dựng mới	360.000	100.000	100.000	260.000	360.000	100.000	100.000	260.000
13	Bệnh viện Phổi Hải Phòng	Dự án đầu tư xây dựng 02 khối nhà 5 tầng	193.000	193.000	193.000	0	193.000	<b>103.000</b>	<b>103.000</b>	<b>90.000</b>
14	Bệnh viện Kiến An	Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	120.000	120.000	120.000	0	120.000	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	<b>40.000</b>
15	Bệnh viện Mắt Hải Phòng	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà 7 tầng	52.000	50.000	50.000	2.000	52.000	50.000	50.000	2.000
16	Trung tâm Pháp y	Đầu tư xây dựng mới	150.000	100.000	100.000	50.000	150.000	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>100.000</b>
17	Trung tâm Y tế An Lão	Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	90.000	90.000	90.000	0	90.000	90.000	90.000	0
18	Trung tâm Y tế Tiên Lãng	Dự án đầu tư xây dựng khối nhà khám bệnh, liên chuyên khoa	153.429	45.300	45.300	108.129	153.429	45.300	45.300	108.129
19	Trung tâm Y tế Kiến Thụy	Dự án đầu tư xây dựng 01 khối nhà 5 tầng	93.775	85.000	85.000	8.775	93.775	<b>55.000</b>	<b>55.000</b>	<b>38.775</b>
20	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Phòng	Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	582.018	90.000	90.000	492.018	582.018	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>	<b>512.018</b>
21	Trung tâm Da liễu	Xây mới	100.000	100.000	100.000	0	100.000	100.000	100.000	0
22	Trung tâm Y tế Thủy Nguyên	Đầu tư mở rộng trụ sở chính	130.000	130.000	130.000	0	130.000	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>30.000</b>
		Đầu tư xây mới Khoa KB	18.000			18.000	18.000			18.000
23	Trung tâm Y tế Vĩnh Bảo	Bổ sung một số hạng mục	97.500	97.500	97.500	0	97.500	<b>67.500</b>	<b>67.500</b>	<b>30.000</b>

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
24	Trung tâm Y tế Lê Chân	Đầu tư xây dựng mới	304.700	304.700	304.700	0	304.700	<b>204.700</b>	<b>204.700</b>	<b>100.000</b>
25	Trung tâm Y tế Hải An	Mở rộng nhà khám bệnh	47.000	47.000	47.000	0	47.000	<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	<b>10.000</b>
26	Trung tâm Y tế An Dương	Khu điều trị nội trú	70.000	70.000	70.000	0	70.000	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>30.000</b>
27	Bệnh viện Lão khoa	Quy mô 250 giường bệnh	670.000	500.000		500.000	<b>500.000</b>			500.000
28	Trạm Y tế cấp xã	Đầu tư 93 trạm y tế	2.046.000			2.046.000	2.046.000			2.046.000
29	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	Xây mới	674.000			674.000	<b>474.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>199.000</b>
30	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương	Xây mới	741.000			741.000	<b>641.000</b>	<b>370.000</b>	<b>370.000</b>	<b>271.000</b>
31	Bệnh viện Mắt & Da liễu Hải Dương	Xây mới	562.000			562.000	<b>462.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>187.000</b>
32	Bệnh viện Nhi Hải Dương	Bổ sung hạng mục	170.000			170.000	<b>150.250</b>	<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>75.250</b>
33	Trung tâm Y tế Cát Hải	Dự án đầu tư xây dựng Khoa Nội, Nhi, Truyền nhiễm và Khoa Ngoại, Sản	45.000	45.000	45.000	0	45.000	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>45.000</b>
34	Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	Xây mới khu nhà điều trị				772.750	772.750			772.750
35	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	Bổ sung 02 khối nhà	55.000			55.000	55.000			55.000
36	Trung tâm Y tế Ninh Giang	Xây mới	500.000			500.000	<b>350.000</b>			<b>350.000</b>
37	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	Xây khu nhà điều trị	64.000			64.000	64.000			64.000
38	Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ xã hội Hải Phòng	Đầu tư mở rộng	145.443			145.443	145.443			145.443
39	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ trẻ em Hoa Phượng	Bổ sung công trình, hạng mục phụ trợ	31.336			31.336	31.336			31.336

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
40	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Hải Dương	Bổ sung hạng mục, mua sắm thiết bị thiết yếu	81.711			81.711	81.711			81.711
41	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Hải Phòng	Xây mới, mở rộng 6,02 ha	150.000			150.000	150.000			150.000
42	Trung tâm Y tế Ngô Quyền	Xây dựng Cơ sở Methadone	10.000			10.000	10.000			10.000
43	Trung tâm Y tế Cẩm Giàng	Bổ sung một số hạng mục	95.000			95.000	95.000			95.000
44	Trung tâm Y tế Kinh Môn	Mở rộng diện tích, bổ sung 02 khối nhà nghiệp vụ	65.000			65.000	65.000			65.000
45	Trung tâm Y tế Nam Sách	Xây dựng bổ sung nhà khám bệnh, nhà khoa truyền nhiễm	62.500			62.500	62.500			62.500
46	Trung tâm Y tế Thanh Miện	Mở rộng diện tích, bổ sung 01 khối nhà nghiệp vụ	160.000			160.000	<b>95.000</b>			<b>95.000</b>
47	Trung tâm Y tế Thanh Hà	Xây dựng nhà khoa nhi, nhà dinh dưỡng	15.000			15.000	15.000			15.000
48	Trung tâm Y tế Hải Dương	Đầu tư xây dựng mới	300.000			300.000	<b>200.000</b>			<b>200.000</b>
49	Trung tâm Y tế Kiến An	Bổ sung 02 khối nhà	82.000			82.000	82.000			82.000
50	Trung tâm Y tế Bình Giang	Bổ sung hạng mục	50.000			50.000	50.000			50.000

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG ĐỀ XUẤT ƯU TIÊN, GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*DVT: triệu đồng*

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
	<b>Tổng cộng</b>		<b>9.174.401</b>	<b>5.820.940</b>	<b>5.820.940</b>	<b>3.353.461</b>	<b>10.679.651</b>	<b>5.820.940</b>	<b>5.820.940</b>	<b>4.858.711</b>
1	Bệnh viện Đa khoa Hải Dương	DA cải tạo, nâng cấp các khối nhà cũ và bổ sung HT PCCC	2.417.400	959.000	959.000	1.458.400	2.417.400	959.000	959.000	1.458.400
2	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Phòng	DA đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Phòng	634.440	634.440	634.440	0	634.440	634.440	634.440	0
3	Trung tâm Y tế Gia Lộc	DA đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	507.200	400.000	400.000	107.200	507.200	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>	<b>207.200</b>
4	Trung tâm Y tế Chí Linh	DA đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	974.500	469.000	469.000	505.500	<b>774.500</b>	<b>350.000</b>	<b>350.000</b>	<b>424.500</b>
5	Trung tâm Y tế Tứ Kỳ	DA đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	686.255	426.000	426.000	260.255	686.255	<b>350.000</b>	<b>350.000</b>	<b>336.255</b>
6	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	DA đầu tư xây dựng Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp cơ sở 2	700.000	700.000	700.000	0	700.000	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	<b>100.000</b>
7	Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ	DA đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	90.000	50.000	50.000	40.000	90.000	50.000	50.000	40.000
8	Bệnh viện Đa khoa Đôn Lương	Xây dựng khu nhà khám bệnh 3 tầng	81.600	48.000	48.000	33.600	81.600	48.000	48.000	33.600
9	Bệnh viện Phổi Hải Dương	DA đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà	170.000	170.000	170.000	0	170.000	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>70.000</b>

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
10	Trung tâm Y tế Đồ Sơn	DA đầu tư xây dựng nhà khám bệnh, khoa chẩn đoán hình ảnh, khoa dược	95.584	90.000	90.000	5.584	95.584	90.000	90.000	5.584
11	Trung tâm Y tế Hồng Bàng	DA đầu tư xây dựng mới	252.000	252.000	252.000	0	252.000	<b>152.000</b>	<b>152.000</b>	<b>100.000</b>
12	Trung tâm Y tế Ngô Quyền	DA đầu tư xây dựng mới	360.000	100.000	100.000	260.000	360.000	100.000	100.000	260.000
13	Bệnh viện Phổi Hải Phòng	DA đầu tư xây dựng 02 khối nhà 5 tầng	193.000	193.000	193.000	0	193.000	<b>103.000</b>	<b>103.000</b>	<b>90.000</b>
14	Bệnh viện Kiến An	DA đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	120.000	120.000	120.000	0	120.000	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	<b>40.000</b>
15	Bệnh viện Mắt Hải Phòng	DA đầu tư xây dựng Khu nhà 7 tầng	52.000	50.000	50.000	2.000	52.000	50.000	50.000	2.000
16	Trung tâm Pháp y	Đầu tư xây dựng mới	150.000	100.000	100.000	50.000	150.000	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>100.000</b>
17	Trung tâm Y tế An Lão	DA đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình	90.000	90.000	90.000	0	90.000	90.000	90.000	0
18	Trung tâm Y tế Tiên Lãng	DA đầu tư xây dựng khối nhà khám bệnh, liên chuyên khoa	175.429	45.300	45.300	130.129	<b>153.429</b>	45.300	45.300	<b>108.129</b>
19	Trung tâm Y tế Kiến Thụy	DA đầu tư xây dựng 01 khối nhà 5 tầng	93.775	85.000	85.000	8.775	93.775	<b>55.000</b>	<b>55.000</b>	<b>38.775</b>
20	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Phòng	DA đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình, hạng mục phụ trợ quan trọng, thiết yếu	582.018	90.000	90.000	492.018	582.018	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>	<b>512.018</b>
21	Trung tâm Da liễu	Xây mới	100.000	100.000	100.000	0	100.000	100.000	100.000	0
22	Trung tâm Y tế Thủy Nguyên	Đầu tư mở rộng	130.000	130.000	130.000	0	130.000	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>30.000</b>

TT	Đơn vị	Hạng mục	Kinh phí theo Đề án 118				Kinh phí điều chỉnh			
			Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác	Nhu cầu	Tổng mức đầu tư	NSNN	Nguồn khác
23	Trung tâm Y tế Vĩnh Bảo	Bổ sung một số hạng mục	97.500	97.500	97.500	0	97.500	<b>67.500</b>	<b>67.500</b>	<b>30.000</b>
24	Trung tâm Y tế Lê Chân	Đầu tư xây dựng mới	304.700	304.700	304.700	0	304.700	<b>204.700</b>	<b>204.700</b>	<b>100.000</b>
25	Trung tâm Y tế Hải An	Mở rộng nhà khám bệnh	47.000	47.000	47.000	0	47.000	<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	<b>10.000</b>
26	Trung tâm Y tế An Dương	Khu điều trị nội trú	70.000	70.000	70.000	0	70.000	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>30.000</b>
27	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	Xây mới					<b>474.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>199.000</b>
28	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương	Xây mới					<b>641.000</b>	<b>370.000</b>	<b>370.000</b>	<b>271.000</b>
29	Bệnh viện Mắt & Da liễu Hải Dương	Xây mới					<b>462.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>187.000</b>
30	Bệnh viện Nhi Hải Dương	Cải tạo, bổ sung hạng mục					<b>150.250</b>	<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>75.250</b>